TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/DS-ST
Ngày: 04/7/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phạm Hoàng Nam**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Kim Anh**

Ông Nguyễn Anh Đức

- Thư ký phiên tòa: **Bà Đoàn Thị Phương Thảo** - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 11 tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng", giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần SG (Gọi tắt là: Ngân hàng Sacombank).**

Trụ sở: Số 266 - 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường XH, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm - Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc Tuấn – Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản ngân hàng Sài Gòn Thương. Người nhận uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Thanh Hải – Nhân viên công ty tham gia tố tụng tại toà, theo Giấy ủy quyền số 3115/2023/UQ-TGĐ ngày 14/09/2023. *Xin vắng mặt tại phiên tòa.*

2. Bị đơn: **Anh Phạm Văn T** - sinh năm 1989

Trú tại: Thôn Lưu Phái, xã TT, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội (Địa chỉ sau sát nhập: Thôn Lưu Phái, xã Thanh Trì, Hà Nội). *Vắng mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là **Ngân hàng thương mại cổ phần SG** trình bày:

Ngày 16/05/2017, anh Phạm Văn T ký với Ngân hàng thương mại cổ phần SG hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng). Căn cứ thu nhập của anh T, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, anh T đã nhiều lần thực hiện các giao dịch và cũng đã thanh toán trong các kỳ sao kê như đã cam kết. Tuy nhiên đến kỳ sao kê ngày 30/06/2022, anh T đã thực hiện số tiền giao dịch trong kỳ sao kê và còn nợ Ngân hàng số tiền là 26.802.105 đồng. Từ thời điểm đó, anh T không thanh toán thêm cho Ngân hàng bất cứ khoản tiền nào. Sau nhiều lần nhắc nhở nhưng anh T vẫn vi phạm, ngày 30/09/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sau nợ quá hạn. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc anh T phải thanh toán số tiền còn thiếu theo như thỏa thuận tín dụng, gồm: dư nợ thẻ và lãi quá hạn. Trong đó, dư nợ thẻ (cũng là dư nợ gốc) là tổng của các khoản tiền: số tiền khách hàng giao dịch chưa thanh toán 42.300.000đ, lãi trong hạn 2.613.000đ, phí trễ hạn 2.800.730đ, phí vượt hạn mức 522.208đ, phí thường niên (đã trả trước đó); Lãi quá hạn được tính trên dự nợ thẻ còn lại của khách hàng với lãi suất 150% lãi suất trong hạn từ thời điểm khoản nợ bị chuyển sang quá hạn (01/9/2022) đến khi thanh toán xong khoản nợ; lãi suất trong hạn Ngân hàng áp dụng mức lãi suất 2,15%/tháng từ thời điểm anh T vi phạm nghĩa vụ đến khi xét xử sơ thẩm (đây là mức lãi suất thấp hơn mức lãi suất hiện nay Ngân hàng đang áp dụng). Cụ thể: Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc anh T trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 04/7/2025 là: ợ gốc: 29.185.167 đồng; Lãi quá hạn: 39.382.758 đồng; Tổng cộng: 68.567.925 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 04/07/2025 cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn là anh Phạm Văn T: Anh T có địa chỉ cư trú tại: Thôn Lưu Phái, xã TT, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội (Sau sát nhập là: Thôn Lưu Phái, xã Thanh Trì, Hà Nội), tại Giấy cung cấp thẻ tín dụng, anh T cũng cung cấp địa chỉ cư trú như trên, ngoài ra không cung cấp địa chỉ nào khác. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt, niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, anh T không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia

phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Do anh T không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, nên phải chịu hậu quả do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Ngân hàng thương mại cổ phần SG có đơn xin vắng mặt. giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc T theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc cho nguyên đơn và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết. Buộc ông T phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 04/7/2025 là: nợ gốc: 29.185.167 đồng; Lãi quá hạn: 39.382.758 đồng; Tổng cộng: 68.567.925 đồng. Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (áp dụng cho khách hàng cá nhân) ngày 16/05/2017 do anh T ký và nộp cho Ngân hàng TMCP SG, anh T khai có nơi cư trú là: Thôn Lưu Phái, xã TT, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội (Sau sát nhập là: Thôn Lưu Phái, xã Thanh Trì, Hà Nội). Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Thanh Trì, nay là Tòa án nhân dân Khu vực 11 – thành phố Hà Nội.

Ngân hàng TMCP SG khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng đối với anh Phạm Văn T, có địa chỉ cư trú là: Thôn Lưu Phái, xã Thanh Trì, Hà Nội. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thanh Trì, nay là Tòa án nhân dân Khu vực 11 – thành phố Hà Nội.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với việc xét xử trong trường hợp bị đơn vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, anh Phạm Văn T là bị đơn không có

yêu cầu phản tố vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo đến Tòa án để lấy lời khai, Thông báo phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải, Kết quả phiên họp công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên họp,... đối với bị đơn là anh Phạm Văn T tại địa điểm: nơi cư trú là đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung và hiệu lực hợp đồng tín dụng: Ngày 16/05/2017, anh Phạm Văn T ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Ngân hàng TMCP SG chấp thuận đề nghị và phê duyệt cấp thẻ tín dụng hạn mức là 25.000.000 đồng. Kèm theo hợp đồng là bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (sau đây gọi tắt là Điều khoản sử dụng thẻ). Xét việc hai bên xác lập hợp đồng tín dụng có nội dung nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động thẻ ngân hàng (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 30/2016/TT-NHNN ngày 14/10/2016), nên hợp đồng tín dụng có hiệu lực từ thời điểm giao kết và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngân hàng TMCP SG cấp thẻ tín dụng cho ông Phạm Văn T căn cứ theo: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (áp dụng cho chủ thẻ là khách hàng cá nhân) ngày 16/05/2017 và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP SG.

Các văn bản tín dụng trên đều được các bên ký kết tự nguyện, những người tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đúng thẩm quyền, nội dung không trái pháp luật và đạo đức xã hội, hình thức của hợp đồng, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và các văn bản tín dụng khác phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 30/09/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng theo thỏa thuận của các bên đã ký. Ngân hàng yêu cầu ông T trả nợ gồm

nợ gốc và lãi là phù hợp với các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về nợ gốc: Ngày 16/05/2017, ông T có ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng số tiền là 25.000.000 đồng, sau khi được cấp thẻ, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 38.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 42.300.000 đồng cả gốc và lãi. Ngân hàng đã áp dụng thứ tự thanh toán theo Điều 20 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, và một phần trả lãi sau. Nguyên đơn tự nguyện khấu trừ như trên có lợi hơn cho Bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Sau khi khấu trừ các khoản đã thanh toán, Nguyên đơn xác định Bị đơn còn nợ số tiền nợ gốc là: 29.185.167 đồng. Việc Nguyên đơn xác định số tiền nợ gốc như trên là phù hợp với thoả thuận của các bên và quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về lãi trong hạn, lãi phát chậm trả, lãi quá hạn và các loại phí:

+ Về mức lãi suất trong hạn áp dụng: Theo điểm 25.2 Điều 25 Điều khoản sử dụng thẻ: "Sacombank có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho Chủ thẻ". Từ khoảng năm 2020, mức lãi suất trong hạn Sacombank áp dụng trung bình khoảng 2,5 – 2,6%/ tháng. Tuy nhiên, tại Bản tự khai ngày 26/06/2025 và tại phiên tòa, Nguyên đơn tự nguyện chỉ áp dụng mức lãi suất 2,15%/tháng đối với Bị đơn tính từ lúc vi phạm nghĩa vụ đến thời điểm xét xử sơ thẩm (đây là mức lãi suất Ngân hàng áp dụng tại thời điểm khoản nợ của anh Hải vi phạm nghĩa vụ). Việc Nguyên đơn áp dụng mức lãi suất 2,15%/tháng là có lợi cho Bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về xác định lãi trong hạn, lãi quá hạn: Tại phiên toà, Ngân hàng cung cấp Bảng tóm tắt sao kê, theo đó thể hiện rõ việc tính lãi trong hạn, lãi quá hạn đối với Bị đơn theo từng kỳ sao kê tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Ngân hàng đã áp dụng quy định của pháp luật và căn cứ theo bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết giữa các bên để tính mức lãi và các loại phí, xác định số tiền lãi quá hạn là: 39.382.758 đồng. Việc xác định số nợ lãi của Nguyên đơn là là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp thoả thuận giữa các bên theo Hợp đồng tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tính đến ngày 04/7/2025 bị đơn đã giao dịch nhưng chưa thanh toán cho Ngân hàng bao gồm: Nợ gốc: 29.185.167 đồng; Lãi quá hạn: 39.382.758 đồng; Tổng cộng: 68.567.925 đồng.

Buộc ông Phạm Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng số tiền tính ngày 04/7/2025 gồm: Nợ gốc: 29.185.167 đồng, Lãi quá hạn: 39.382.758 đồng; Tổng cộng: 68.567.925 đồng.

Kể từ ngày 04/7/2025, ông Phạm Văn T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (áp dụng cho chủ thẻ là khách hàng cá nhân) ngày 16/05/2017 và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP SG cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP SG được chấp nhận nên ông T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là: 5% x 68.567.925 đồng = **3.428.396** đồng.

Trả lại Ngân hàng TMCP SG số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 119, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;
- Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SG.

Buộc ông Phạm Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP SG toàn bộ khoản nợ tạm tính đến ngày 04/7/2025 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (áp dụng cho chủ thẻ là khách hàng cá nhân) ngày 16/05/2017 và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP SG là: Nợ gốc: 29.185.167 đồng, Lãi quá hạn: 39.382.758 đồng; Tổng cộng: 68.567.925 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Phạm Văn T vẫn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất

mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (áp dụng cho chủ thẻ là khách hàng cá nhân) ngày 16/05/2017 và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP SG cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

- Ông Phạm Văn T phải chịu **3.428.396** đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Hoàn trả Ngân hàng TMCP SG số tiền 1.682.000 đồng đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0056544 ngày 14/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì. (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 – Hà Nội)

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Hoàng Nam

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- VKSND khu vực 11 – Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Hà Nội;
- Các bên đương sự;
- Lưu HSVA.